

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thích

2. Bà Lò Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh H (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Kim S (Đặng Kim Nguyên), sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 5 A, xã N, huyện S, tỉnh H. (*Vắng mặt, đã triệu tập lần 2*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 15/01/2021, bản tự khai ngày 05/02/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Kim S được cưới hỏi theo phong tục tập quán, năm 2012, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã N, huyện S, tỉnh H ngày 16/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở chung với bố mẹ đẻ anh S tại Thôn 5 A, xã N, huyện S, tỉnh H. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng 04 năm đầu, không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2016 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh S thường xuyên đi chơi, cờ bạc, rượu chè, không quan tâm

gia đình, vợ con và thậm chí anh S còn đánh đập chị nhiều lần phải nhập viện. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm sống, cãi chửi nhau, đánh nhau, vợ chồng thiếu sự động viên, chia sẻ trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Anh S hiện đang đi làm thuê ở Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, chị có liên lạc bằng điện thoại với anh S nhiều lần nhưng anh S không cho chị biết địa chỉ cụ thể và cũng không về nhà thăm con. Do vậy chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Ánh Th sinh ngày 22/12/2016 và cháu Đặng Ánh D sinh ngày 25/8/2020. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp.

Đối với bị đơn anh Đặng Kim S, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh S đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh S đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của đương sự và được bố mẹ đẻ anh S và chính quyền địa phương cho biết anh S đi làm xa nhà, hiện nay đang đi làm thuê ở Quảng Ninh nhưng không có địa chỉ cụ thể. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh S cư trú và Tòa án cũng đã gửi văn bản tố tụng cho ông Đặng Quang V và bà Đặng Xà S1 là bố mẹ đẻ anh S, ông V và bà S đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh S được biết việc chị T yêu cầu ly hôn anh S, bố mẹ đẻ anh S liên lạc qua điện thoại cho anh S nhưng anh S vẫn che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì với ông V, bà S1 là bố mẹ đẻ anh S, trưởng thôn, chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn và hàng xóm nơi anh S, chị T cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Lý Thị T và anh Đặng Kim S như sau: Chị Lý Thị T và anh Đặng Kim S tìm hiểu và xây dựng gia đình từ năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày tại Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang ngày 16/3/2015, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh S uống rượu nhiều, chơi bời, không tu chí làm ăn và chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xảy ra xích mích, thậm chí xảy ra đánh đập. Đã nhiều lần anh S đánh chị T chảy máu, gãy tay phải nhờ hàng xóm đưa đi cấp cứu ở bệnh viện. Những mâu thuẫn của vợ chồng anh S, chị T đều đã được gia đình, hàng xóm và trưởng thôn khuyên ngăn và hòa giải nhưng không cải thiện được.

Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh Đặng Kim S hiện nay đã bỏ đi làm ăn ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm được và hiện nay không có mặt tại địa phương. Người thân anh S cho biết anh S đi làm ăn ở Quảng Ninh nhưng không biết địa chỉ cụ thể, anh S đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh S không đến Tòa án. Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị có trình bày rõ chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Đặng Kim S; về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu Đặng Ánh Th sinh ngày 22/12/2016 và cháu Đặng Ánh D sinh ngày 25/8/2020, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh Đặng Kim S, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T đối với anh Đặng Kim S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về con chung: Giao cháu Đặng Ánh Th sinh ngày 22/12/2016 và cháu Đặng Ánh D sinh ngày 25/8/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Do chị Lý Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân

cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Kim S có nơi cư trú là Thôn 5 A, xã N, huyện S, tỉnh H, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người thân anh S nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đều thông báo qua điện thoại cho anh S nhưng anh S vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu ly hôn, hơn nữa Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với anh S theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Đặng Kim S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Kim S. Nguyên đơn là chị Lý Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lý Thị T.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Lý Thị T và anh Đặng Kim S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh H nên hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hai bên không có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày, anh S thường xuyên uống rượu đánh đập chị T. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay không có biện pháp hàn gắn, hai bên không thiện chí hòa giải, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị T cho thấy anh không có thiện chí đoàn tụ với chị T. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh thể hiện do anh S thường xuyên uống rượu, đánh đập chị T, chơi bời, không tu chí làm ăn, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Chị T xác định không còn tình cảm với anh S, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Mâu thuẫn giữa chị T và anh S còn phù hợp với biên bản xác minh của chính quyền địa phương, hàng xóm và bố mẹ ruột anh S. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh S có 02 con chung là cháu Đặng Ánh Th sinh ngày 22/12/2016 và cháu Đặng Ánh D sinh ngày 25/8/2020. Sau

khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về điều kiện thực tế, cả hai cháu đều còn nhỏ và từ khi chị T sinh con anh S thường xuyên đi làm thuê không chăm sóc con. Từ khi ly thân đến nay, cháu T ở cùng ông bà nội, cháu D ở cùng chị T. Thực tế, anh S hiện nay đi làm xa nhà (*không biết rõ địa chỉ cụ thể*) không có điều kiện để nuôi con, giao cho bố mẹ anh nuôi, anh không gửi tiền về cho bố mẹ anh nuôi con và không có trách nhiệm với con cái. Ông Vinh, bà Sàng (là bố mẹ đẻ anh S) có ý kiến nếu chị T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu ông bà cũng nhất trí để chị T. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường, cháu có điều kiện ăn học tốt nhất, phát triển toàn diện, tránh được sự sáo trộn về môi trường, tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu cần giao con chung của anh chị cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định không có, ly hôn chị không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị T. Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn anh Đặng Kim S (tên gọi khác: Đặng Kim Ng)

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ánh Th sinh ngày 22/12/2016 và cháu Đặng Ánh D sinh ngày 25/8/2020 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, sau này các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 04456 ngày 20/01/2021 (chị T đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Nam Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THA;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phương

